BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐH NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1658 /QĐ-NNH	*Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2008*

QUYẾT ĐỊNH
V/v Công nhận danh hiệu thi đua năm học 2007 - 2008

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 124/CP ngày 14/8/1967 của Hội đồng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Nông nghiệp thành Trường Đại học Nông nghiệp I;

Căn cứ Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước;

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng được quy định tại Quyết định số 153/2003/TTg, ngày 30/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ v/v ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Luật Thi đua khen thưởng và Nghị định số 121/2005/NĐ ngày 30/9/2005 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Quy chế Quản lý nguồn thu và chi tiêu nội bộ được ban hành kèm theo Quyết định số 1685/QĐ-NNI ngày 20/11/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông nghiệp I (Nay là trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội);

Xét đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu thi đua năm học 2007 - 2008 (Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở: 225 người; Lao động tiến tiến: 542 người) cho cán bộ, viên chức của Trường có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Kèm theo danh hiệu, mỗi cán bộ, viên chức được thưởng mức tiền thưởng là 300.000 đồng/1 người đối với danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở; 200.000 đồng/1 người đối với danh hiệu Lao động tiên tiến, trích từ quỹ khen thưởng của Trường.

Số tiền : 225 người x 300.000 đồng = 67.500.000 đồng

542 người x 200.000 đồng = 108.400.000 đồng

Tổng số tiền thưởng: 67.500.000 đồng + 108.400.000 đồng = 175.900.000 đồng

(Một trăm bảy mươi lăm triệuchín trăm ngàn đồng)

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà) Trưởng phòng TCCB, HC-TH, Tài vụ, Trưởng các đơn vị liên quan và các cá nhân có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận :
- Như điều 4;
- Lưu VTHC, TC.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

PGS.TS. Trần Đức Viên

DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐẠT DANH HIỆU CHIẾN SỸ THI ĐUA
NĂM HỌC 2007 - 2008

(Kèm theo Quyết định số: 1658 /QĐ-NNH ngày 12 tháng 11 năm 2008
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội)

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Bộ môn	Số tiền (đồng)	Ký nhận
A	B	C	D	E	F	G
1	Hà Thị Thanh	Bình	1	Canh tác học	300.000	
2	Ngô Bích	Hảo	1	Bệnh cây	300.000	
3	Nguyễn Văn	Viên	1	Bệnh cây	300.000	
4	Ninh Thị	Phíp	1	Cây công nghiệp	300.000	
5	Vũ Đình	Chính	1	Cây công nghiệp	300.000	
6	Bùi Xuân	Sửu	1	Cây công nghiệp	300.000	
7	Nguyễn Thế	Hùng	1	Cây lương thực	300.000	
8	Trần Đình	Chiến	1	Côn trùng	300.000	
9	Hồ Thị Thu	Giang	1	Côn trùng	300.000	
10	Nguyễn Thị Kim	Oanh	1	Côn trùng	300.000	
11	Hà Quang	Hùng	1	Côn trùng	300.000	
12	Phạm Tiến	Dũng	1	Hệ thống nông nghiệp	300.000	
13	Trần Thị	Ngọc	1	Hệ thống nông nghiệp	300.000	
14	Nguyễn Văn	Hoan	1	Di truyền giống	300.000	
15	Vũ Văn	Liết	1	Di truyền giống	300.000	
16	Nguyễn Hồng	Minh	1	Di truyền giống	300.000	
17	Phạm Thị	Hương	1	Rau - Hoa - Quả	300.000	
18	Đoàn Văn	Lư	1	Rau - Hoa - Quả	300.000	
19	Vũ Quang	Sáng	1	Sinh lý thực vật	300.000	
20	Nguyễn Thị Kim	Thanh	1	Sinh lý thực vật	300.000	
21	Nguyễn Hữu	Cường	1	Thực vật	300.000	
22	Nguyễn Hạnh	Hoa	1	Thực vật	300.000	
				Cộng	**6.600.000**	
23	Nguyễn Thị	Mai	2	Chăn nuôi chuyên khoa	300.000	
24	Bùi Văn	Đoàn	2	Chăn nuôi chuyên khoa	300.000	
25	Nguyễn Văn	Thắng	2	Chăn nuôi chuyên khoa	300.000	
26	Mai Thị	Thơm	2	Chăn nuôi chuyên khoa	300.000	
27	Vũ Đình	Tôn	2	Chăn nuôi chuyên khoa	300.000	
28	Nguyễn Xuân	Trạch	2	Chăn nuôi chuyên khoa	300.000	
29	Nguyễn Thị	Tú	2	Chăn nuôi chuyên khoa	300.000	
30	Vũ Thị Thuý	Hằng	2	Chăn nuôi chuyên khoa	300.000	
31	Lê Thị Thu	Nhàn	2	Chăn nuôi chuyên khoa	300.000	
32	Đặng Vũ	Bình	2	Di truyền Giống gia súc	300.000	
33	Đinh Văn	Chỉnh	2	Di truyền Giống gia súc	300.000	
34	Vũ Thị	Hiền	2	Sinh học động vật	300.000	
35	Lê Mạnh	Dũng	2	Sinh học động vật	300.000	
36	Nguyễn Thị Thanh	Hà	2	Sinh học động vật	300.000	
37	Nguyễn Thị	Nguyệt	2	Sinh học động vật	300.000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Bộ môn	Số tiền (đồng)	Ký nhận
38	Tôn Thất	Sơn	2	Dinh dưỡng và Thức ăn	300.000	
39	Bùi Quang	Tuấn	2	Dinh dưỡng và Thức ăn	300.000	
40	Bùi Văn	Định	2	Dinh dưỡng và Thức ăn	300.000	
41	Kim Văn	Vạn	2	Nuôi trồng thuỷ sản	300.000	
42	Nguyễn Bá	Mùi	2	Hoá sinh - SLĐV	300.000	
43	Dương Thị Kim	Quy	2	Hoá sinh - SLĐV	300.000	
44	Đặng Thái	Hải	2	Hoá sinh - SLĐV	300.000	
45	Lê Văn	Muôn	2	Văn phòng	300.000	
46	Nguyễn Thị	Xuyên	2	Văn phòng	300.000	
				Cộng	**7.200.000**	
47	Nguyễn Trường	Sơn	3	Hoá học	300.000	
48	Phạm Ngọc	Thụy	3	Hoá học	300.000	
49	Phan Trung	Quý	3	Hoá học	300.000	
50	Cao Việt	Hà	3	Khoa học đất	300.000	
51	Nguyễn Hữu	Thành	3	Khoa học đất	300.000	
52	Đỗ Nguyên	Hải	3	Khoa học đất	300.000	
53	Trần Văn	Chính	3	Khoa học đất	300.000	
54	Nguyễn Xuân	Thành	3	Vi sinh vật	300.000	
55	Nguyễn Văn	Dung	3	Tài nguyên nước	300.000	
56	Đoàn Công	Quỳ	3	Quy hoạch đất	300.000	
57	Nguyễn Quang	Học	3	Quy hoạch đất	300.000	
58	Nguyễn Thị	Vòng	3	Quy hoạch đất	300.000	
59	Vũ Thị	Bình	3	Quy hoạch đất	300.000	
60	Đỗ Văn	Nhạ	3	Quy hoạch đất	300.000	
61	Nguyễn Thanh	Trà	3	Quản lý đất đai	300.000	
62	Nguyễn Khắc	Thời	3	Trắc địa BĐ và TTĐL	300.000	
63	Trần Quốc	Vinh	3	Trắc địa BĐ và TTĐL	300.000	
64	Trần Trọng	Phương	3	Trắc địa BĐ và TTĐL	300.000	
65	Đoàn Văn	Điểm	3	Sinh thái NN	300.000	
66	Trần Đức	Viên	3	Quản lý môi trường	300.000	
				Cộng	**6.000.000**	
67	Lương Văn	Vượt	4	Cơ học kỹ thuật	300.000	
68	Lê Minh	Lư	4	Cơ học kỹ thuật	300.000	
69	Đặng Đình	Trình	4	Cơ học kỹ thuật	300.000	
70	Ngô Thị	Tuyến	4	Điện kỹ thuật	300.000	
71	Nguyễn Văn	Đạt	4	Điện kỹ thuật	300.000	
72	Nguyễn Văn	Linh	4	Điện kỹ thuật	300.000	
73	Nguyễn Văn	Nghĩa	4	Công nghệ cơ khí	300.000	
74	Đào Quang	Kế	4	Công nghệ cơ khí	300.000	
75	Nguyễn Viết	Lầu	4	Máy nông nghiệp	300.000	
76	Hà Đức	Thái	4	Máy nông nghiệp	300.000	
77	Nguyễn Ngọc	Quế	4	Động lực	300.000	
78	Bùi Hải	Triều	4	Động lực	300.000	
79	Nông Văn	Vìn	4	Động lực	300.000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Bộ môn	Số tiền (đồng)	Ký nhận
80	Đặng Tiến	Hoà	4	Động lực	300.000	
81	Hàn Trung	Dũng	4	Động lực	300.000	
82	Trần Như	Khuyên	4	TB bảo quản và CBNS	300.000	
83	Phan Văn	Thắng	4	Cung cấp và SD Điện	300.000	
				Cộng	**5.100.000**	
84	Nguyễn Phúc	Thọ	5	Kinh tế	300.000	
85	Nguyễn Văn	Song	5	Kinh tế	300.000	
86	Nguyễn Mậu	Dũng	5	Kinh tế	300.000	
87	Dương Văn	Hiểu	5	Phát triển nông thôn	300.000	
88	Nguyễn Xuân	Tin	5	Phát triển nông thôn	300.000	
89	Mai Thanh	Cúc	5	Phát triển nông thôn	300.000	
90	Phạm Vân	Đình	5	Phát triển nông thôn	300.000	
91	Nguyễn Trọng	Đắc	5	Phát triển nông thôn	300.000	
92	Nguyễn Thị Minh	Thu	5	Phát triển nông thôn	300.000	
93	Nguyễn Thị Minh	Hiền	5	Phát triển nông thôn	300.000	
94	Đỗ Kim	Chung	5	Phát triển nông thôn	300.000	
95	Quyền Đình	Hà (B)	5	Phát triển nông thôn	300.000	
96	Trần Đình	Thao	5	Phân tích định lượng	300.000	
97	Ngô Thị	Thuận	5	Phân tích định lượng	300.000	
98	Nguyễn Hữu	Ngoan	5	Phân tích định lượng	300.000	
99	Nguyễn Thị Dương	Nga	5	Phân tích định lượng	300.000	
100	Phạm Văn	Hùng	5	Phân tích định lượng	300.000	
101	Nguyễn Thị Thu	Huyền	5	Phân tích định lượng	300.000	
102	Nguyễn Thị	Hường	5	TT Thông tin - TH	300.000	
				Cộng	**5.700.000**	
103	Lê Diệp	Đĩnh	6	NL của CN Mác - Lênin	300.000	
104	Nguyễn Văn	Nghĩa	6	NL của CN Mác - Lênin	300.000	
105	Lương Đức	Thăng	6	NL của CN Mác - Lênin	300.000	
106	Nguyễn Ngọc	Diệp	6	NL của CN Mác - Lênin	300.000	
107	Lê Thị	Ngân	6	NL của CN Mác - Lênin	300.000	
108	Nguyễn Thanh	Thế	6	NL của CN Mác - Lênin	300.000	
109	Tạ Quang	Giảng	6	ĐL CM của ĐCSVN	300.000	
110	Nguyễn Văn	Yến	6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	300.000	
111	Vũ Văn	Tuấn	6	Pháp luật	300.000	
				Cộng	**2.700.000**	
112	Nguyễn Tất	Thắng	7	Tâm lý và PPGD	300.000	
113	Nguyễn Thị Ngọc	Thuý	7	Tâm lý và PPGD	300.000	
114	Nguyễn Công	Ước	7	Tâm lý và PPGD	300.000	
115	Nguyễn Thị Minh	Tâm	7	Ngôn ngữ học và VHNN	300.000	
116	Phan Thu	Thuỷ	7	Ngôn ngữ học và VHNN	300.000	
117	Hà Thị	Lan	7	Lý thuyết Tiếng	300.000	
118	Trần Hoài	Nam	7	Thực hành Tiếng	300.000	
119	Nguyễn Thị	Nga	7	Thực hành Tiếng	300.000	
120	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	7	Thực hành Tiếng	300.000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Bộ môn	Số tiền (đồng)	Ký nhận
121	Cao Thị Ngọc	Mậu	7	Thực hành Tiếng	300.000	
122	Ngô Thị Thanh	Tâm	7	Thực hành Tiếng	300.000	
				Cộng	**3.300.000**	
123	Nguyễn Hoàng	Anh	8	HS-CN sinh học TP	300.000	
124	Ngô Xuân	Mạnh	8	HS-CN sinh học TP	300.000	
125	Giang Trung	Khoa	8	Công nghệ chế biến	300.000	
126	Nguyễn Đức	Doan	8	Công nghệ chế biến	300.000	
127	Nguyễn Mạnh	Khải	8	Công nghệ Sau thu hoạch	300.000	
128	Trần Thị Lan	Hương	8	Thực phẩm và Dinh dưỡng	300.000	
				Cộng	**1.800.000**	
129	Vũ Kim	Hoa	9	KST-VSGS-KNTS	300.000	
130	Lại Thị	Cúc	9	KST-VSGS-KNTS	300.000	
131	Trần Văn	Quyên	9	KST-VSGS-KNTS	300.000	
132	Nguyễn Văn	Thọ	9	KST-VSGS-KNTS	300.000	
133	Phạm Hồng	Ngân	9	KST-VSGS-KNTS	300.000	
134	Phạm Thị	Khánh	9	Nội - Chẩn - Dược lý	300.000	
135	Lê Thị Ngọc	Diệp	9	Nội - Chẩn - Dược lý	300.000	
136	Chu Đức	Thắng	9	Nội - Chẩn - Dược lý	300.000	
137	Phạm Ngọc	Thạch	9	Nội - Chẩn - Dược lý	300.000	
138	Bùi Thị	Tho	9	Nội - Chẩn - Dược lý	300.000	
139	Đàm Văn	Phải	9	Nội - Chẩn - Dược lý	300.000	
140	Trần Tiến	Dũng	9	Ngoại sản	300.000	
141	Hoàng	Sơn	9	Ngoại sản	300.000	
142	Nguyễn Văn	Thanh	9	Ngoại sản	300.000	
143	Vũ Như	Quán	9	Ngoại sản	300.000	
144	Nguyễn Hoài	Nam	9	Ngoại sản	300.000	
145	Nguyễn Thị Kim	Thoa	9	Tổ chức - GP - PT	300.000	
146	Trịnh Đình	Thâu	9	Tổ chức - GP - PT	300.000	
147	Nguyễn Bá	Hiên	9	VSV - TN - BL	300.000	
148	Trần Thị Lan	Hương	9	VSV - TN - BL	300.000	
149	Trương	Quang	9	VSV - TN - BL	300.000	
150	Nguyễn Hữu	Nam	9	VSV - TN - BL	300.000	
151	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	9	VSV - TN - BL	300.000	
152	Huỳnh Thị Mỹ	Lệ	9	VSV - TN - BL	300.000	
153	Nguyễn Thị	Lan	9	VSV - TN - BL	300.000	
154	Lê Văn	Lãnh	9	VSV - TN - BL	300.000	
155	Tạ Thị Kim	Chung	9	VSV - TN - BL	300.000	
156	Nguyễn Văn	Hải	9	Bệnh viện Thú y	300.000	
157	Trần Thị	Giang	9	Văn phòng	300.000	
				Cộng	**8.700.000**	
158	Phạm Việt	Nga	10	Toán học	300.000	
159	Bùi Nguyên	Viễn	10	Toán học	300.000	
160	Lê Đức	Vĩnh	10	Toán học	300.000	
161	Nguyễn Thị Kim	Bình	10	Toán học	300.000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Bộ môn	Số tiền (đồng)	Ký nhận
162	Đỗ Thị	Huệ	10	Toán học	300.000	
163	Nguyễn Thị Minh	Tâm	10	Toán học	300.000	
164	Nguyễn Thị Bích	Thuỷ	10	Toán học	300.000	
165	Nguyễn Văn	Hạnh	10	Toán học	300.000	
166	Đặng Thị Thanh	Bình	10	Văn phòng	300.000	
167	Nguyễn Thị	Phương	10	Vật lý	300.000	
168	Bùi Thị	Thu	10	Vật lý	300.000	
169	Hồ Thị Hồng	Lan	10	Vật lý	300.000	
170	Đoàn Văn	Cán	10	Vật lý	300.000	
171	Vũ Thị	Thu	10	Vật lý	300.000	
172	Trần Đình	Đông	10	Vật lý	300.000	
173	Đỗ Đăng	Bẩy	10	Vật lý	300.000	
174	Nguyễn Tiến	Hiển	10	Vật lý	300.000	
175	Lương Minh	Quân	10	Vật lý	300.000	
176	Đào Trọng	Thắng	10	Công nghệ phần mềm	300.000	
177	Đỗ Thị	Mơ	10	Công nghệ phần mềm	300.000	
178	Ngô Công	Thắng	10	Công nghệ phần mềm	300.000	
179	Phạm Quang	Dũng	10	Khoa học máy tính	300.000	
180	Thân Thị	Huyền	10	Khoa học máy tính	300.000	
181	Nguyễn Văn	Định	10	Toán - Tin ứng dụng	300.000	
182	Nguyễn Hải	Thanh	10	Toán - Tin ứng dụng	300.000	
				Cộng	**7.500.000**	
183	Phạm Thị Mỹ	Dung	11	Kế toán	300.000	
184	Nguyễn Thị	Tâm	11	Kế toán	300.000	
185	Bùi Thị	Phúc	11	Kế toán	300.000	
186	Nguyễn Xuân	Tiến	11	Kế toán	300.000	
187	Kim Thị	Dung	11	Tài chính	300.000	
188	Lê Hữu	ảnh	11	Tài chính	300.000	
189	Trần Hữu	Cường	11	Marketing	300.000	
190	Phạm Thị Minh	Nguyệt	11	Quản trị kinh doanh	300.000	
				Cộng	**2.400.000**	
191	Nguyễn Văn	Đĩnh	12	Viện Đào tạo Sau đại học	300.000	
192	Nguyễn Tuấn	Sơn	12	Viện Đào tạo Sau đại học	300.000	
				Cộng	**600.000**	
193	Lê Huỳnh Thanh	Phương	13	KHCN và HTQT	300.000	
194	Trần Văn	Hùng	13	KHCN và HTQT	300.000	
				Cộng	**600.000**	
195	Vũ Khắc	Hoà	14	Tài vụ	300.000	
196	Ngô Văn	Trạm	14	Tài vụ	300.000	
197	Bùi Bằng	Đoàn	14	Tài vụ	300.000	
				Cộng	**900.000**	
198	Nguyễn Thị	Thuỷ	15	TCCB	300.000	
199	Nguyễn Huy	Cường	15	TCCB	300.000	
200	Nguyễn ích	Tân	15	TCCB	300.000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Bộ môn	Số tiền (đồng)	Ký nhận
				Cộng	**900.000**	
201	Nguyễn Quang	Thạch	17	Viện Sinh học NN	300.000	
202	Nguyễn Thị Lý	Anh	17	Viện Sinh học NN	300.000	
203	Trần Văn	Quang	17	Viện Sinh học NN	300.000	
				Cộng	**900.000**	
204	Quyền Đình	Hà	18	VT-HC	300.000	
205	Nguyễn Thị Hà	Nam	18	VT-HC	300.000	
206	Nguyễn Xuân	Bình	18	Đội xe	300.000	
				Cộng	**900.000**	
207	Nguyễn Văn	Lơ	19	VP-GĐ	300.000	
208	Võ Văn	Nam	19	Điện nước	300.000	
209	Nguyễn Ngọc	Kính	19	TBVT	300.000	
				Cộng	**900.000**	
210	Hoàng Văn	Hưng	20	Giáo dục thể chất	300.000	
211	Dương Mạnh	Đức	20	TT Thể thao - Văn hoá	300.000	
212	Nguyễn Xuân	Cừ	20	Giáo dục thể chất	300.000	
				Cộng	**900.000**	
213	Nguyễn Ngọc	Can	21	CTCT và CTSV	300.000	
214	Hoàng Văn	Bình	21	CTCT và CTSV	300.000	
215	Lê Ngọc	Hướng	21	CTCT và CTSV	300.000	
				Cộng	**900.000**	
216	Nguyễn Trọng	Thắng	23	Khoa GDQP	300.000	
217	Nguyễn Văn	Thể	23	Khoa GDQP	300.000	
218	Chu Thanh	Bình	23	Khoa GDQP	300.000	
219	Nguyễn Văn	Huấn	23	Khoa GDQP	300.000	
				Cộng	**1.200.000**	
220	Nguyễn Văn	Muốn	24	TT Khảo thí và ĐBCL	300.000	
				Cộng	**300.000**	
221	Nguyễn Thị Thúy	Vinh	27	Trạm Y tế	300.000	
222	Dương Thị	Tiến	27	Mẫu giáo	300.000	
				Cộng	**600.000**	
223	Nguyễn Ngọc	Sơn	29	TT TN và CGCNSX	300.000	
				Cộng	**300.000**	
224	Nguyễn Mai	Thơm	30	TT VAC	300.000	
				Cộng	**300.000**	
225	Vũ Hồng	Quảng	36	Viện NC lúa	300.000	
				Cộng	**300.000**	

Tổng cộng **67.500.000**

Bằng chữ: ***Sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./.***

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

PGS.TS. Trần Đức Viên